TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 92/2019/QĐST-HNGĐ	*Yên Khánh, ngày 24 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 131/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T - Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm 2, xã Khánh M, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K - Sinh năm 1969.

Địa chỉ: Xóm 2, xã Khánh M, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung (riêng): Giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2007 cho anh Nguyễn Văn K được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đỗ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H cùng anh K hàng tháng với mức là 1.500.000 đồng *(một triệu năm trăm nghìn đồng)* kể từ tháng 10 năm 2019

cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Chị Đỗ Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung. Còn đối với cháu Nguyễn Quang H, sinh năm 1999 đã trưởng thành tự, lập được cuộc sống nên chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng không ai có nên chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Đỗ Thị T không thi hành hết khoản tiền trên thì chị T phải trả lãi đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn K đều thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận việc phân chia về tài sản chung, còn tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có nên chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Đỗ Thị T nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002105 ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND phường Mông D ,TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung